| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN K**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tổ T, phường V, quận K, thành phố H; (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung K; địa chỉ: Tổ T, phường V, quận K, thành phố H; (Vắng mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2022 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K kết hôn ngày 21/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn chị H và anh K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong mọi mặt của cuộc sống, không thông cảm chia sẻ

với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị H đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết cho chị H được ly hôn anh K. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/5/2007; Nguyễn Quốc C, sinh ngày 03/7/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị Nguyễn Thị H cùng con là Nguyễn Quốc C đã về sinh sống tại tổ Đ, phường V, quận K, thành phố H, còn con Nguyễn Trung H vẫn ở cùng bố là Nguyễn Trung K tại Tổ T, phường V, quận K, thành phố H. Khi ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc C đến khi con trưởng thành và giao con chung là Nguyễn Trung H cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Nguyễn Trung K đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh K, không tiến hành hòa giải được và anh K cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Kiêm vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Tại đơn đề nghị, cháu Nguyễn Trung H là con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K trình bày:* Hiện nay bố mẹ cháu là Nguyễn Thị H và Nguyễn Trung K không còn chung sống với nhau nữa, cháu Kiên hiện ở cùng bố tại Tổ T, phường V, quận K, thành phố H, còn em là Nguyễn Quốc C đang ở cùng mẹ tại Tổ Đ, phường V, quận K, thành phố H. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Trung H là được ở cùng bố là Nguyễn Trung K khi bố mẹ ly hôn.

*Tại Biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2023, bà Bùi Thị N là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trung K trình bày*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố H. Sau khi kết hôn anh K và chị H sống tại nhà bà, đến tháng 7 năm 2019 do mâu thuẫn nên chị H đã bỏ đi, đến tháng 7/2022 chị H về nhà bố mẹ đẻ ở Tổ Đ, phường V, quận K, thành phố H sinh sống. Khi chung sống chị H và anh Kiên thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Nay chị H bỏ đi và có đơn xin ly hôn anh K bà N không có ý kiến gì, tùy anh K và chị H quyết định, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/5/2007; Nguyễn Quốc C, sinh ngày 03/7/2016. Bà N không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con chung của chị H và anh K. Về tài sản chung của anh K và chị H: Theo bà N thì giữa anh K và chị H không có tài sản chung. Hiện nay anh K đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà, bà N cam kết sẽ thông tin và giao các giấy tờ của Tòa án cho anh K.

*Tổ trưởng, tổ dân phố Trần Phú 1, phường V, quận K, thành phố H cung cấp:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K có kết hôn năm 2014, tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bà Bùi Thị N là mẹ đẻ của anh K, tại Tổ T, phường V, quận K, thành phố H. Sau một thời gian chung sống chị H đã bỏ đi sống ở nơi khác từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Chị H và anh K có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/5/2007 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 03/7/2016. Tổ trưởng tổ dân phố không nắm được chị H và anh K có mâu thuẫn gì, có tài sản chung gì và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H; về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/5/2007 cho anh Nguyễn Trung K được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, giao con chung là Nguyễn Quốc C cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 26 tháng 12 năm 2022 chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trung K; anh Nguyễn Trung K là bị đơn, trú tại phường V, quận K, thành phố H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự cho nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Nguyễn Trung K. Tại phiên tòa mở lần thứ 2 chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Trung K vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, quận K, thành phố H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06-2014, quyển sổ số 01-2014, ngày 21 tháng 9 năm 2014. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh K để giải quyết việc chị H có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh K. Chứng tỏ hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ, tình cảm giữa chị H và anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn anh K. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/5/2007 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 03/7/2016. Từ khi chị H và anh K sống ly thân đến nay, anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trung H, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc C, hai con đã ở ổn định từ năm 2019 đến nay. Nguyện vọng của chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc C và giao con chung là Nguyễn Trung H cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Trung H, phù hợp đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, phù hợp thực tế và quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung K có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/5/2007 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 03/7/2016. Giao con chung là Nguyễn Trung H cho anh Nguyễn Trung K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Nguyễn Quốc C cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trung K có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003731 ngày 29/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trung K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP H;
- VKSND TP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường V, quận K, H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Chính** **Lã Anh Tuấn** **Nguyễn Thị Lan Hương**

***Nơi nhận:***
- TAND TP H;
- VKSND TP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường Trần Thành Ngọ, quận K, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lan Hương**